Chi tiết mã HS 2712.10.00

Mã HS	2712.10.00
Mô tả hàng hóa	Vazơlin (petroleum jelly); sáp parafin, sáp dầu lửa vi tinh thể, sáp than cám, ozokerite, sáp than non, sáp than bùn, sáp khoáng khác, và sản phẩm tương tự thu được từ quy trình tổng hợp hoặc quy trình khác, đã hoặc chưa nhuộm màu / - Vazơlin (petroleum jelly)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 11:19:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27121000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3353
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3353
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3353
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3353
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3350
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3311
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3311
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3311
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3311
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3311
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3311
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3349
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3349

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3349
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3349
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3349
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3349
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3353
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3353
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3353
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3353
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3353
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3353
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3353
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3317
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3313
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3313
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3313
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3313
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3313
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3313
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3313
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3313
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3313
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3313
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3313
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3313
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3360
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3360

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3360
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3360
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3360
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3360
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3357
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3357
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3357
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3357
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3357
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3357
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3365
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3365
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3365
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3365
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3365
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3365
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3336
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3336
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3336
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3336
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3336
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3336
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3338
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3338
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3338
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3338

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3338
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3338
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3336
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3336
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3336
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3336
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3336
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3336
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3336
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3357
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3357
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3357
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3357
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3357
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3357
RCEP B	2022	2022	0	B!D3357
RCEP B	2023	2023	0	B!E3357
RCEP B	2024	2024	0	B!F3357
RCEP B	2025	2025	0	B!G3357
RCEP B	2026	2026	0	B!H3357
RCEP B	2027	2027	0	B!I3357
RCEP C	2022	2022	0	C!D3357
RCEP C	2023	2023	0	C!E3357
RCEP C	2024	2024	0	C!F3357
RCEP C	2025	2025	0	C!G3357
RCEP C	2026	2026	0	C!H3357

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3357
RCEP D	2022	2022	0	D!D3357
RCEP D	2023	2023	0	D!E3357
RCEP D	2024	2024	0	D!F3357
RCEP D	2025	2025	0	D!G3357
RCEP D	2026	2026	0	D!H3357
RCEP D	2027	2027	0	D!I3357
RCEP E	2022	2022	0	E!D3360
RCEP E	2023	2023	0	E!E3360
RCEP E	2024	2024	0	E!F3360
RCEP E	2025	2025	0	E!G3360
RCEP E	2026	2026	0	E!H3360
RCEP E	2027	2027	0	E!I3360
RCEP F	2022	2022	0	F!D3357
RCEP F	2023	2023	0	F!E3357
RCEP F	2024	2024	0	F!F3357
RCEP F	2025	2025	0	F!G3357
RCEP F	2026	2026	0	F!H3357
RCEP F	2027	2027	0	F!I3357
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F3096
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G3096
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H3096
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I3096

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2712.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2712.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3353), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.